TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-PT
Ngày 24 - 11 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Anh T, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh An Giang (nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang).

Bị đơn: Anh Lý Đăng K, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ F, Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là tổ F, Khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H – Luật sư Công ty L chi nhánh V1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Lý Đăng K - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Chị Lê Anh T và anh Lý Đăng K chung sống có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 16/3/2020. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau khi chị T sinh con thì anh K không quan tâm chăm sóc vợ con, cả hai có tính cách không phù hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên chị T xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên Lý Ngọc Thảo V, sinh ngày 29/9/2023. Hiện tại cháu V do anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do anh Lý Đăng K có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia đôi số vàng cưới, chị T cho rằng số vàng mà gia đình anh K cho trong ngày cưới gồm: 01 cây vàng 18K là 01 bộ vòng xi men; 01 cây vàng 24K gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 chiếc lắc 04 chỉ và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ. Ngoài ra, khi về sống chung thì hai vợ chồng có mua được 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, trong thời gian sinh con và nuôi con, chị đã bán 01 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K để tiêu xài cho sinh hoạt gia đình và nuôi con nên hiện tại tài sản chung chỉ còn: 01 đôi bông tai 24K, 01 sợi dây chuyền 24K và 01 bộ vàng xi men 10 chỉ 18K.

Chị T đồng ý chia 01 sợi dây chuyền 24K và 01 bộ vàng xi men 10 chỉ 18K. Riêng đôi bông tai chị xin giữ lại không chia, không đồng ý chia đối với 02 chiếc nhẫn được đổi từ chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24K bị gãy mà nhà gái cho riêng chị trong ngày lạy xuất giá. Chị thống nhất giá vàng 24K là 11.450.000 đồng, giá vàng 18K là 7.400.000 đồng và đồng ý trả giá trị bằng tiền cho anh K.

Bị đơn anh Lý Đăng K trình bày: Về hôn nhân, anh K đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh Khoa yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Lý Ngọc Thảo V, sinh ngày 29/9/2023. Anh chưa yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Gia đình anh cho vợ chồng trong ngày cưới gồm: 01 cây vàng 18K: là 01 bộ vòng xi men; 01 cây vàng 24K gồm: 01 đôi bông tai, 01 chiếc lắc, 01 sợi dây chuyền. Ngoài ra, hai vợ chồng cùng tạo lập mua được chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K, hiện tại chị T đang giữ. Nay anh yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu chia đôi số vàng cưới gồm: 01 bộ vòng xi men 10 chỉ 18K, 01 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ 24K, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K.

Riêng đôi bông tai và 01 chiếc kiềng do nhà gái cho trong ngày lạy xuất giá bị gãy nên đổi lại 02 chiếc nhẫn (01 chiếc 02 chỉ 24K và 01 chiếc 03 chỉ 24K) anh xin rút lại yêu cầu này. Anh thống nhất giá vàng 24K là 11.450.000 đồng, giá vàng 18K là 7.400.000 đồng. Anh đồng ý nhận giá trị bằng tiền, không nhận bằng vàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C - Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 9, 51, 55, 57, 81, 82, Điều 83, Điều 33, Điều 38 và Điều 43 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Anh T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lý Đăng K.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Anh T và anh Lý Đăng K.

Về con chung: Buộc anh Lý Đăng K giao cháu Lý Ngọc Thảo V, sinh ngày 29/9/2023 cho chị Lê Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lý Đăng K không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa yêu cầu nên anh Đăng K chưa phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Buộc chị Lê Anh T phải trả giá trị tài sản chung cho anh Lý Đăng K bằng số tiền 65.625.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 22/9/2025, anh K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Về con chung, anh K yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, anh K yêu cầu chia đôi số vàng chị T đang quản lý là 14 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K. Buộc chị T hoàn trả cho anh K 07 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K trình bày giữ nguyên kháng cáo yêu cầu nuôi con và chia tài sản chung.

Chị T trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của anh K về yêu cầu giao con cho anh K nuôi dưỡng. Về tài sản chung: chị T đồng ý với kháng cáo của K, chị T đồng ý chia cho anh K 07 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K theo giá trị đã thỏa thuận tại cấp sơ thẩm là vàng 24K trị giá 11.450.000 đồng/chỉ; còn vàng 18K trị giá 7.400.000 đồng/chỉ.

Luật sư H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K trình bày: Chị T tự ý bỏ về nhà mẹ ruột để con cho anh K nuôi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ nuôi con, chị T biết việc bỏ lại con là con sẽ nhớ thương mẹ nhưng chị đã bỏ đi trách nhiệm làm mẹ của chị. Thời gian qua chị T cũng không đến thăm con, cháu V do anh K và ông bà nội cháu chăm sóc ổn định, trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng con thì ông bà nội cháu cũng cam kết hỗ trợ anh K nuôi cháu V tốt nhất. Ngoài ra, đề nghị áp dụng án lệ số 54/2022 của Tòa án nhân dân tối cao đối với trường hợp mẹ bỏ đi khi con dưới 36 tháng tuổi do cha trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại cháu V đã ổn định môi trường sống nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho chị T nuôi dưỡng là chưa xem xét lợi ích tốt nhất của cháu V. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh K, giao con cho anh K1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị T đã thống nhất kháng cáo của anh K về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chia cho anh K 07 chỉ vàng 24K trị giá 80.150.000 đồng và 05 chỉ vàng 18K trị giá 37.000.000 đồng, tổng cộng 117.150.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lý Đăng K. Sửa Bản án sơ thẩm số 44/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C - Vĩnh Long về phần tài sản do các đương sự thỏa thuận. Về án phí: Anh Khoa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh K yêu cầu nuôi con chung và chia tài sản chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Về con chung: Chị T và anh K thừa nhận anh chị có một người con chung tên Lý Ngọc Thảo V, sinh ngày 29/9/2023. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh K cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét, anh K và chị T đều trình bày có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Cụ thể, chị T trình bày hiện nay chị làm giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Chị T có kinh nghiệm chăm sóc trẻ nên việc giao cháu V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về mọi mặt của cháu V. Còn anh K trình bày hiện anh sống cùng cha mẹ và đang làm công nhân có thu nhập bình quân mỗi tháng hơn 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, con chung do anh K trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 6/2025 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại con chung Lý Ngọc Thảo V, sinh ngày 29/9/2023 chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định việc giao con cho người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng khi cha mẹ ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, trong đó bao gồm điều kiện nuôi dưỡng, môi trường sống, học hành và việc chăm sóc, giáo dục con; con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T trình bày chị là giáo viên mầm non có kinh nghiệm chăm sóc trẻ, có thu nhập ổn định, đảm bảo tốt việc chăm sóc giáo dục con chung. Về phía anh K cũng có thu nhập ổn định hàng tháng từ lương công nhân, mức thu nhập của anh K tương đương mức thu nhập hàng tháng của chị T nhưng công việc của anh K có thời gian làm việc thường xuyên thay đổi ca hàng tuần, cháu V chủ yếu do ông bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, trong khi pháp luật quy định con chung chưa thành niên do cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, đảm bảo được lợi ích tốt nhất của con chung, cần được giữ nguyên, vì vậy kháng cáo của anh K yêu cầu nuôi dưỡng con chung không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[1.2] Về tài sản chung: Anh Lý Đăng K yêu cầu chia đôi số tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 bộ vòng ximen trọng lượng 10 chỉ vàng 18K, 01 chiếc lắc trọng lượng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K. Anh K yêu cầu nhận bằng giá trị tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T đồng ý tài sản chung vợ chồng như anh K trình bày gồm 01 bộ vòng ximen trọng lượng 10 chỉ vàng 18K, 01 chiếc lắc trọng lượng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ

vàng 24K. Chị T đang quản lý tài sản trên và đồng ý chia đôi tài sản chung cho anh K được nhận 07 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K. Anh Khoa và chị T thống nhất thỏa thuận giá vàng 24K là 11.450.000 đồng/chỉ x 7 = 80.150.000 đồng; giá vàng 18K là 7.400.000 đồng/chỉ x 5 = 37.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung chia cho anh K là: 117.150.000 đồng. Chị T và anh K tự nguyện thỏa thuận chị T được sở hữu 01 bộ vòng ximen trọng lượng 10 chỉ vàng 18K, 01 chiếc lắc trọng lượng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K và chị T phải thanh toán cho anh K số tiền 117.150.000 đồng là giá trị chia tài sản chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh K và chị T, sửa án sơ thẩm về chia tài sản chung.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lý Đăng K, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T và anh K mỗi người phải nộp: 117.150.000 đồng x 5% = 5.857.500 đồng tiền án phí dân sự về chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Anh K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.790.000 đồng nên còn phải nộp thêm 2.067.500 đồng.

[4] Án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do sửa sơ thẩm nên anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư đề nghị giao con cho anh K nuôi dưỡng không có căn cứ chấp nhận; về tài sản chung có căn cứ chấp nhận.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lý Đăng K. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C - Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 33, Điều 43, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Về con chung: Buộc anh Lý Đăng K giao cháu Lý Ngọc Thảo V, sinh ngày 29/9/2023 cho chị Lê Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Anh T và anh Lý Đăng K. Chị T được quyền sở hữu tài sản chung vợ chồng gồm: 01 bộ vòng ximen trọng lượng 10 chỉ vàng 18K, 01 chiếc lắc trọng lượng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K; Buộc chị Lê Anh T phải thanh toán giá trị chia tài sản chung cho anh Lý Đăng K bằng số tiền 117.150.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung: Buộc chị Lê Anh T phải nộp 5.857.500 (Năm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Lý Đăng K phải nộp 5.857.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh K được khấu trừ vào số tiền 3.790.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002380, ngày 29/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên anh K còn phải nộp thêm 2.067.500 (Hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng mới đủ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lý Đăng K không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả anh K số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nộp ngày 22/9/2025 theo biên lai thu số 0003029 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKTII-TANDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL;
- TAND khu vực C - Vĩnh Long;
- Phòng GĐ, KTTT&THA tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung